BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /TTr-BTC	*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO LẦN 1
Ngày…./11/2026

TỜ TRÌNH
Chính sách của dự án Luật Doanh nghiệp (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, Nghị quyết số 20/2026/UBTVQH16 ngày 21/9/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình lập pháp năm 2027[1], Bộ Tài chính kính trình Chính phủ chính sách của dự án Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã xác định một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2026 - 2030: "Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, thúc đẩy đột phá chiến lược, kiến tạo hệ sinh thái phát triển mới, bảo đảm quan điểm lấy phát triển để ổn định, ổn định để thúc đẩy phát triển và không ngừng nâng cao đời sống, hạnh phúc của Nhân dân; tập trung hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nhanh, bền vững đất nước, trong đó thể chế chính trị là then chốt, thể chế kinh tế là trọng tâm, các thể chế khác là quan trọng".

- Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đề ra nhiệm vụ: *"Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN; khẩn trương rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật không còn phù hợp, trùng chéo, hoặc chưa đầy đủ, nhất là về đầu tư, kinh doanh, đất đai, quy hoạch, ngân sách, tài sản công, thuế… theo hướng vướng mắc ở cấp nào thì cấp đó chủ động tích cực sửa đổi, hoàn thiện".*

- Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đã xác định mục tiêu hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, tạo lập khung khổ pháp lý để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2025 trong đó lưu ý: *"chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế; lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm; tăng*

[1] Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) được Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XVI (tháng 10/2027).

cường giám sát, kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước; thúc đẩy đổi mới sáng tạo".

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã chỉ đạo: *"Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp; triệt để cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề, thủ tục hành chính bất hợp lý; thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ổn định. Bảo đảm thực chất quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản và quyền tự do hợp đồng, sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia.*".

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đã nhấn mạnh "*Tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi, chi phí thấp, đạt chuẩn quốc tế, bảo đảm khả năng cạnh tranh khu vực, toàn cầu. Kịp thời xây dựng, hoàn thiện pháp luật và cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển trong những lĩnh vực ưu tiên, đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số...*". Nghị quyết cũng đồng thời yêu cầu: "*Hoàn thiện hệ thống pháp luật, xoá bỏ các rào cản tiếp cận thị trường đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp*."

- Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/1/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật đã nêu rõ: "*về cơ bản các luật khác, nhất là luật điều chỉnh các nội dung về kiến tạo phát triển chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn. Bảo đảm tính kịp thời của việc ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội".*

- Tại Nghị quyết số 01/NQ-CP năm 2026 ngày 08/01/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, Chính phủ đặt trọng tâm điều hành phát triển kinh tế - xã hội gắn với yêu cầu hoàn thiện thể chế và nâng cao chất lượng thực thi pháp luật. Nghị quyết nêu nhiệm vụ then chốt là "*tập trung hoàn thiện đồng bộ thể chế, pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh*", qua đó tạo nền tảng pháp lý và điều kiện thực thi thuận lợi hơn cho hoạt động sản xuất - kinh doanh.

- Tại Nghị quyết số 02/NQ-CP năm 2026 ngày 08/01/2026 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026, Nghị quyết nhấn mạnh yêu cầu cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh theo hướng kiến tạo - phục vụ, chuyển đổi phương thức quản lý để giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

- Tại Kết luận số 17-KL/TW ngày 02/4/2026 của Bộ Chính trị về định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI, Bộ Chính trị đã thống nhất thông qua những nội dung cơ bản của Đề án "Định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI". Tại Phụ lục II - Danh mục nhiệm vụ lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI kèm theo Tờ trình số 21-TTr-ĐUQH ngày 17/3/2026 về Đề án Định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI (mục 52), *Đảng ủy Quốc hội đã đề nghị nghiên cứu, rà soát Luật Doanh nghiệp vào năm 2026 để xem xét đưa vào Chương trình lập pháp năm 2027*.

- Tại Kế hoạch số 64/KH-UBTVQH16 ngày 22/5/2026 triển khai thực hiện Kết luận số 17-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI, *nhiệm vụ nghiên cứu, rà soát Luật Doanh nghiệp nhiệm vụ nghiên cứu, rà soát Luật Doanh nghiệp hoàn thành trong năm 2026 để xem xét, đưa vào Chương trình lập pháp năm 2027 và các năm tiếp theo*.

- Tại Nghị quyết số 185/NQ-CP ngày 10/7/2026 của Chính phủ ban hành Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Kết luận số 17-KL/TW của Bộ Chính trị về Kế hoạch số 64/KH-UBTVQH16 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI, *nhiệm vụ nghiên cứu, rà soát Luật Doanh nghiệp hoàn thành trong năm 2026 để xem xét, đưa vào Chương trình lập pháp năm 2027*.

- Tại Công văn số 6146/VPCP-KTTH ngày 28/06/2026 của Văn phòng Chính phủ về sửa đổi quy định tại Luật Doanh nghiệp theo yêu cầu của Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP, Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Văn Thắng giao: *Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, cơ quan liên quan rà soát, đánh giá toàn diện tình hình thực hiện Luật Doanh nghiệp trong năm 2026, trên cơ sở đó xem xét, kiến nghị đưa vào Chương trình lập pháp năm 2027 theo đúng quy định, phù hợp với kết luận của Bộ Chính trị tại Văn bản số 17-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 về định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI*.

- Tại Nghị quyết số 20/2026/UBTVQH16 ngày 21/9/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình lập pháp năm 2027, *Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) được Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XVI (tháng 10/2027)*.

- Tại Quyết định số 2061/QĐ-TTg ngày 28/10/2026 của Thủ tướng Chính phủ phân công cơ quan chủ trì soạn thảo và thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2027, Thủ tướng Chính phủ *giao Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi), thời hạn trình*

hồ sơ chính sách là tháng 4/2027, thời hạn trình Chính phủ hồ sơ dự án là tháng 6/2027 và thời hạn trình Quốc hội là tháng 7/2027.

- Tại Nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước giao Bộ Tài chính: *Nghiên cứu, hoàn thiện mô hình mô hình Hội đồng thành viên; bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tiễn từng thời kỳ*.

- Tại Quyết định số 948/QĐ-TTg ngày 27/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện nghĩa vụ của Chính phủ Việt Nam về trao đổi thông tin theo yêu cầu vì mục đích thuế yêu cầu Bộ Tài chính:

(i) Chủ trì nghiên cứu, rà soát các quy định của Luật Doanh nghiệp để đề xuất cấp có thẩm quyền theo hướng bổ sung quy định hạn chế quyền thành lập pháp nhân mới, quyền quản lý đối với cá nhân là chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên hợp danh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp của doanh nghiệp vi phạm (Hành động 01).

(ii) Chủ trì tổ chức rà soát, đánh giá tổng thể khuôn khổ pháp luật liên quan đến cơ chế ủy quyền ẩn danh, trên cơ sở hỗ trợ kỹ thuật của Diễn đàn Toàn cầu, để xác định rõ phương án pháp lý và lộ trình sửa đổi, bổ sung phù hợp với điều kiện của Việt Nam (Hành động 07).

(iii) Phối hợp sửa đổi, bổ sung pháp luật về phòng, chống rửa tiền để chuẩn hóa khái niệm, tiêu chí xác định chủ sở hữu hưởng lợi theo tiêu chuẩn của OECD và FATF và đảm bảo thống nhất giữa các luật có liên quan (Hành động 02- Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước).

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, việc tiếp tục đẩy mạnh, hoàn thiện thể chế pháp luật được xác định là một trong những giải pháp then chốt, được coi là "đột phá của đột phá". Đây không chỉ là công cụ quan trọng nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững của đất nước, mà còn góp phần củng cố lòng tin của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, đồng thời tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và hiệu lực, hiệu quả quản lý xã hội của Nhà nước trong kỷ nguyên mới.

Trong bối cảnh Việt Nam đang phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng hai con số và từng bước thực hiện hai mục tiêu chiến lược 100 năm của đất nước, khu vực kinh tế tư nhân được khẳng định là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia. Trong đó, lực lượng doanh nghiệp giữ vai trò đặc biệt quan trọng, được xem là "xương sống" của nhiều nền kinh tế trên thế giới cũng như tại Việt Nam, đóng góp lớn về tạo việc làm, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Trước yêu cầu phát triển mới, việc tổng kết và sửa đổi toàn diện Luật Doanh nghiệp năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15) là rất cần thiết nhằm làm rõ những kết quả đạt được, hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách về thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp theo hướng đồng bộ với hệ thống pháp luật có liên quan; cải cách thủ tục hành chính nhằm đơn giản hóa quy trình gia nhập và rút lui khỏi thị trường nhằm bảo đảm môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, chi phí tuân thủ thấp, lấy doanh nghiệp làm trung tâm chính sách hướng tới tiệm cận các thông lệ quản trị tốt nhất của quốc tế; ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp (theo hướng quản lý dựa trên dữ liệu và phân loại rủi ro).

2. Cơ sở thực tiễn

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/6/2020 tại Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIV, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 (thay thế Luật Doanh nghiệp năm 2014); được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022[2] và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025[3].

Đây là nền tảng pháp lý quan trọng trong hệ thống chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân của Việt Nam, điều chỉnh việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp, nhóm công ty. Quá trình xây dựng, sửa đổi bổ sung Luật Doanh nghiệp đều gắn với các chu kỳ phát triển kinh tế-xã hội của đất nước[4]. Luật Doanh nghiệp là một văn bản quy phạm pháp luật quan trọng, có ý nghĩa chiến lược, mở ra bước ngoặt lớn trong tiến trình phát triển của đất nước, tác động mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của doanh nghiệp Việt Nam với nhiều trụ cột thể chế nền tảng, tạo điểm sáng cho cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Sau hơn 06 năm triển khai Luật đã đạt được một số kết quả quan trọng, cụ thể như sau:

Luật đã hình thành một khung khổ pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả về thành lập, tổ chức quản lý, hoạt động của doanh nghiệp. Cùng với các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành như Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, Nghị định số 47/2021/NĐ-CP, Nghị định số 68/2025/NĐ-CP và hệ thống pháp luật chuyên ngành liên quan (Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp), một khung khổ pháp luật

---

[2] Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 sửa đổi Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật Thi hành án dân sự (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2022).

[3] Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025).

[4] Được nghiên cứu xây dựng qua các năm: năm 1999, năm 2005, năm 2014, năm 2020, năm 2027).

đầy đủ, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả về thành lập, tổ chức quản lý, hoạt động của doanh nghiệp và hộ kinh doanh đã được hình thành. Nhằm đáp ứng kịp thời các yêu cầu phát sinh từ thực tiễn, hệ thống quy định đã liên tục được rà soát và hoàn thiện, điển hình là việc Quốc hội ban hành Luật số 03/2022/QH ngay trong năm đầu tiên Luật Doanh nghiệp năm 2020 có hiệu lực. Văn bản này đã tháo gỡ hiệu quả các vướng mắc cấp thiết thông qua việc: bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; sửa đổi quy định công bố thông tin báo cáo tài chính giữa năm bảo đảm sự thống nhất với Luật Kế toán và Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước nhằm cắt giảm chi phí tuân thủ; làm rõ tiêu chí xác định cùng cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp quốc phòng, an ninh; đồng thời chuẩn hóa thể thức thông qua quyết định quản trị trong công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần.

Trên phương diện bảo đảm quyền tự do kinh doanh, Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã thể chế hóa triệt để nguyên tắc người dân và doanh nghiệp được tự do hoạt động trong những ngành, nghề mà luật không cấm. Việc không ghi ngành, nghề kinh doanh trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tiếp tục được giữ nguyên, cho phép doanh nghiệp tự khai ngành nghề dự kiến khi thành lập và chủ động thông báo khi phát sinh hoạt động mới. Về con dấu, Luật Doanh nghiệp năm 2020 đánh dấu bước tiến lớn khi chính thức công nhận dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, đồng thời bãi bỏ thủ tục bắt buộc thông báo mẫu dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh trước khi sử dụng, qua đó cắt giảm tối đa chi phí và thời gian gia nhập thị trường. Đối với hoạt động góp vốn, thời hạn 90 ngày góp đủ vốn điều lệ bằng tài sản, máy móc, thiết bị đã được quy định rõ là không tính thời gian vận chuyển, nhập khẩu và thực hiện các thủ tục hành chính, giúp bảo đảm tính khả thi và loại bỏ rủi ro pháp lý bất khả kháng cho nhà đầu tư.

Về hoàn thiện chuẩn mực quản trị công ty và bảo vệ nhà đầu tư, Luật Doanh nghiệp năm 2020 mở rộng phạm vi quyền lực cho cổ đông bằng việc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 10% xuống 5% để thực hiện các quyền quan trọng như tiếp cận thông tin hay triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, đồng thời bãi bỏ yêu cầu phải sở hữu cổ phần phổ thông liên tục ít nhất 06 tháng. Nhằm hỗ trợ doanh nghiệp huy động vốn, Luật bổ sung quy định về Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết và điều chỉnh quy định phát hành riêng lẻ trái phiếu của doanh nghiệp không phải đại chúng bảo đảm tương thích với Luật Chứng khoán năm 2019. Riêng với khu vực doanh nghiệp nhà nước, Luật đã thể chế hóa Nghị quyết số 12-NQ/TW khi xác định đây là các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Nhằm nâng cao chuẩn mực quản trị, Luật mở rộng phạm vi đối tượng người có liên quan không được làm quản lý, bắt buộc thành lập Ban Kiểm soát và thiết lập chế độ công bố thông tin định kỳ, bất thường khắt khe hơn so với doanh nghiệp thông thường.

Bước sang năm 2025, việc ban hành Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp tiếp tục thể hiện tư duy cải cách thể chế mạnh mẽ, tập trung vào ba trụ cột cốt lõi:

Thứ nhất, về gia nhập thị trường, Luật đã tạo bước đột phá trong chuyển đổi số khi sử dụng định danh cá nhân kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để thay thế các giấy tờ truyền thống, giúp đơn giản hóa hồ sơ, giản lược thông tin kê khai và cho phép cơ quan nhà nước kiểm soát nhân thân, tư cách pháp lý ngay từ đầu mà không phát sinh thủ tục hành chính hay cản trở quyền tự do kinh doanh.

Thứ hai, về quản trị và hậu kiểm, Luật làm rõ các khái niệm pháp lý, điều chỉnh quy định quản trị sát với thực tiễn các loại hình doanh nghiệp, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, địa phương trong công tác quản lý nhà nước để hạn chế, ngăn ngừa tối đa tình trạng "vốn ảo", "vốn khống", đồng thời đẩy mạnh tích hợp, chia sẻ dữ liệu liên thông nhằm tăng cường tính công khai, minh bạch.

Thứ ba, về quy định chủ sở hữu hưởng lợi, Luật đã thể chế hóa việc cung cấp, lưu giữ và chia sẻ thông tin liên quan, giao Chính phủ ban hành hướng dẫn chi tiết về tiêu chí xác định và kê khai, bảo đảm phù hợp với Kết luận số 119-KL/TW của Bộ Chính trị cũng như các cam kết quốc tế về phòng, chống rửa tiền.

Những cải cách thể chế đồng bộ và toàn diện nêu trên đã tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển kinh tế và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Số liệu thực tế ghi nhận số lượng doanh nghiệp thành lập mới tăng vọt từ 116.839 doanh nghiệp năm 2021 lên 195.147 doanh nghiệp vào năm 2025. Tính đến hết ngày 31/8/2026, theo số liệu thống kê được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cả nước có 1.071.731 doanh nghiệp đang hoạt động với tổng quy mô vốn đăng ký đạt trên 32,5 triệu tỷ đồng. Đồng thời, chất lượng môi trường kinh doanh được ghi nhận qua Bảng xếp hạng Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của VCCI, trong đó chỉ số thành phần Gia nhập thị trường bình quân toàn quốc tăng đều qua từng năm.

Bên cạnh những kết quả tích cực, quá trình triển khai Luật Doanh nghiệp đã bộc lộ một số hạn chế tập trung vào các nhóm vấn đề sau:

(i) Sự thiếu đồng bộ trong hệ thống quy định chung

- Còn có sự chưa thống nhất giữa Luật Doanh nghiệp và pháp luật chuyên ngành liên quan đến nguyên tắc thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động trong một số lĩnh vực đặc thù. Theo đó, văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành quy định việc thành lập không theo các quy định về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thực hiện dẫn đến việc chưa thống nhất đầu mối thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh (đăng ký thành lập doanh nghiệp) trong một số lĩnh vực như: công chứng, luật sư, giám định tư pháp, kế toán, kiểm toán, tài chính…).

- Một số khái niệm pháp lý quan trọng nhưng chưa được quy định rõ ràng: khái niệm "giá thị trường của phần vốn góp/cổ phần" dựa trên "giá giao dịch bình quân" chưa bảo đảm tính khả thi thực tiễn; khái niệm "Người có liên quan của doanh nghiệp", "người có liên quan của người quản lý", "khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp" và "sở hữu gián tiếp"…

- Bất cập về người đại diện và thẩm quyền ủy quyền như: Chưa có quy định xử lý tình huống phát sinh tại công ty TNHH hai thành viên (gồm một thành viên cá nhân và một thành viên tổ chức) khi cá nhân làm người đại diện theo pháp luật bị chết hoặc mất tích; Chưa làm rõ thời điểm xác định tư cách người đại diện theo pháp luật (từ khi có quyết định nội bộ hay khi được ghi nhận trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp); Chưa đồng bộ quy định về chức năng ủy quyền của chi nhánh và người đứng đầu chi nhánh với Bộ luật Dân sự, dẫn đến tình trạng chi nhánh (vốn không phải pháp nhân) đương nhiên đứng ra đại diện theo ủy quyền, nghiên cứu quy định về việc cấm "ủy quyền ẩn danh"…

(ii) Một số bất cập, rào cản trong thủ tục gia nhập thị trường và minh bạch hóa thông tin

- Quy định chi tiết về hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trong Luật: Việc quy định chi tiết thành phần hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp và đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện tại Luật Doanh nghiệp đã làm giảm tính chủ động trong giải quyết thủ tục hành chính. Luật nên chỉ quy định các nội dung có tính nguyên tắc cơ bản về: phạm vi, đối tượng, nguyên tắc cơ bản, quyền và nghĩa vụ, phạm vi quản lý… Các vấn đề cụ thể hồ sơ, trình tự, thủ tục nên phân cấp thẩm quyền cho Chính phủ (hình thức văn bản là Nghị định của Chính phủ) để tạo tính chủ động và phù hợp với thực tiễn triển khai.

- Thiếu cơ chế pháp lý hạn chế có thời hạn quyền thành lập pháp nhân mới đối với các cá nhân là chủ doanh nghiệp, đại diện pháp luật trực tiếp gây ra vi phạm nghiêm trọng về thuế hoặc tín dụng.

- Còn bất cập trong quản lý góp vốn và trụ sở, như: tình trạng tăng vốn bằng tiền mặt thiếu minh bạch; vướng mắc pháp lý khi sử dụng cổ phần, phần vốn góp để góp vốn vào doanh nghiệp khác (đặc biệt là đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên); trụ sở chính bị lợi dụng đặt tại nhà chung cư không có chức năng thương mại, văn phòng chia sẻ; chưa phân biệt giữa địa chỉ sản xuất kinh doanh thực tế và địa chỉ liên hệ phục vụ mô hình kinh doanh số.

- Rà soát, cập nhật và hoàn thiện các quy định có liên quan trên cơ sở các khuyến nghị của APG/FATF, tiêu chuẩn của GF/OECD và kết quả đánh giá, khuyến nghị mới đối với Việt Nam (nếu có).

(iii) Bất cập trong cơ chế giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh và rút lui khỏi thị trường

- Bất cập trong quy định về tạm ngừng kinh doanh: Quy định về thời hạn tạm ngừng kinh doanh liên tiếp tối đa, nghĩa vụ thông báo tiếp tục kinh doanh và hệ quả pháp lý khi doanh nghiệp không thực hiện đúng nghĩa vụ thông báo chưa được quy định đầy đủ, thống nhất ở cấp Luật.

- Bất cập trong quy định về giải thể doanh nghiệp:

+ Thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục giải thể cần tiếp tục rà soát, đơn giản hóa trên cơ sở khai thác, đối chiếu, chia sẻ thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh với cơ quan thuế, bảo hiểm xã hội, hải quan, Tòa án, Trọng tài và các cơ quan có liên quan.

+ Chưa có cơ chế giải thể rút gọn đối với doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí rủi ro thấp.

+ Cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể liên quan sau khi doanh nghiệp giải thể.

(iv) Hạn chế, vướng mắc trong khung khổ quản trị nội bộ doanh nghiệp

- Đối với Công ty TNHH: Thiếu quy định ràng buộc trách nhiệm đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ theo vốn thực góp; chưa pháp lý hóa thủ tục họp Hội đồng thành viên rút gọn, họp trực tuyến, biểu quyết điện tử; chưa quy định hình thức tăng vốn bằng hoán đổi nợ, giảm vốn do tách công ty hoặc hoàn trả vốn khi hủy đợt chào bán; tiêu chuẩn phân phối lợi nhuận bị gò bó theo tỷ lệ vốn góp.

- Đối với Công ty cổ phần: vẫn còn rào cản với các cổ đông thiểu số; lý do "bí mật thương mại/kinh doanh" bị lợi dụng để từ chối cung cấp tài liệu; thiếu hành lang pháp lý toàn diện cho họp ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, gửi thông báo mời họp qua thư điện tử; thủ tục thay đổi vốn điều lệ phát sinh chi phí tuân thủ do ĐHĐCĐ chưa thể ủy quyền cho HĐQT thực hiện sau khi đã thông qua phương án phát hành; chưa luật hóa quy trình hoán đổi nghĩa vụ nợ, hoán đổi cổ phần.

- Đối với doanh nghiệp nhà nước (DNNN): thiếu chế định "người được giao quyền" Tổng giám đốc để kịp thời đăng ký đại diện theo pháp luật; bất cập về sự khác biệt giữa cơ chế tiền lương của Kiểm soát viên (theo lương cơ bản của Chính phủ) và Phó Tổng giám đốc (do HĐTV quyết định); quy định cấm sở hữu chéo tại Khoản 3 Điều 195 gây ách tắc cho các công ty con cùng mẹ khi góp vốn thực hiện các dự án kết cấu hạ tầng kỹ thuật quốc gia…

- Đối với các mô hình đặc thù khác: Thiếu quy định chuyển nhượng vốn của thành viên hợp danh; thiếu tiêu chuẩn và cơ chế giám sát nghĩa vụ tái đầu tư 51% lợi nhuận của doanh nghiệp xã hội; chưa có khung pháp lý quy định mô hình "doanh nghiệp một người" vận hành tối giản bằng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI).

(v) Bất cập trong phương thức quản lý nhà nước, kết nối dữ liệu và hậu kiểm

- Sự phân mảnh dữ liệu và quản lý theo hồ sơ giấy: Thiếu cơ chế bắt buộc kết nối, chia sẻ dữ liệu tự động thời gian thực giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng

ký doanh nghiệp với Tòa án, Công an, Thuế, Hải quan, Bảo hiểm xã hội, Ngân hàng Nhà nước.

- Chưa phân định rõ trách nhiệm kiểm tra: Thiếu quy định khẳng định Cơ quan đăng ký kinh doanh chỉ chịu trách nhiệm kiểm tra hình thức hồ sơ; chưa phân định rõ trách nhiệm hậu kiểm thực tế thuộc về cơ quan quản lý chuyên ngành và chính quyền địa phương.

- Thiếu cơ chế phân luồng rủi ro trong hậu kiểm: Chưa có quy định phân luồng thanh tra (luồng xanh/vàng/đỏ) dựa trên mức độ tuân thủ pháp luật; xung đột giữa các văn bản quy phạm pháp luật về khái niệm "không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký" và "ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm".

Những khó khăn, vướng mắc nêu trên là cơ sở thực tiễn quan trọng khẳng định tính cấp thiết của việc ban hành Luật Doanh nghiệp (sửa đổi). Việc sửa đổi phải hướng tới mục tiêu chuyển đổi toàn diện từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm" trên nền tảng dữ liệu số, hoàn thiện khung quản trị tiệm cận thông lệ quốc tế, siết chặt kỷ cương thị trường nhưng đồng thời bảo đảm tối đa quyền tự do kinh doanh của nhân dân và doanh nghiệp theo khung quản trị doanh nghiệp tốt nhất.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

1. Mục đích ban hành chính sách

Một là, việc xây dựng và ban hành Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) nhằm tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý về thành lập, tổ chức và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp theo hướng đồng bộ, minh bạch và khả thi, tạo điều kiện thuận lợi để khu vực doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển.

Hai là, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư vào sản xuất kinh doanh; góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, an toàn và minh bạch. Đồng thời, đảm bảo tính cấp thiết, kịp thời, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

Ba là, đảm bảo thực thi cam kết quốc tế của Việt Nam trong triển khai Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện cam kết của Chính phủ Việt Nam về việc trao đổi thông tin theo yêu cầu vì mục đích thuế và các cam kết khác có liên quan.

2. Quan điểm xây dựng dự án Luật Doanh nghiệp (sửa đổi):

Thứ nhất, thể chế hóa đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, an toàn, bình đẳng cho doanh nghiệp phát triển trong nền kinh tế, đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia[5].

[5] Bao gồm: (i) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; (ii) Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; (iii) Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/1/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế

Thứ hai, đổi mới, hoàn thiện việc xây dựng Luật bám sát theo tinh thần Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị, phân định rõ thẩm quyền lập pháp và thẩm quyền lập quy theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu theo tinh thần Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP và giải quyết triệt để các vướng mắc, khó khăn phát sinh trong thực tiễn.

Thứ ba, tiếp tục kế thừa, phát huy và hoàn thiện những quy định pháp luật về doanh nghiệp còn phù hợp với thực tế, có tác động tích cực đối với sự phát triển của doanh nghiệp. Tập trung sửa đổi, bổ sung một số quy định có mâu thuẫn, đang gây khó khăn, vướng mắc, yêu cầu cần sửa đổi để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, hiện thực hóa đầy đủ quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và nâng cao hiệu lực quản lý của nhà nước đối với doanh nghiệp.

Thứ tư, tiếp tục thực hiện quan điểm minh bạch, bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, đảm bảo hoạt động quản trị tiệm cận với các nguyên tắc, các thông lệ quốc tế; đồng thời, cũng tính đến các yếu tố có tính đặc thù và phù hợp với thực tiễn hoạt động của từng doanh nghiệp phân theo loại hình và theo chủ sở hữu.

Thứ năm, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; bảo đảm sự phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các thỏa thuận, cam kết của Việt Nam, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của các nước liên quan đến nội dung chính sách (nếu có) để bảo đảm sự tương đồng giữa pháp luật Việt Nam với pháp luật các nước.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Phạm vi của chính sách

- Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) tiếp tục kế thừa, phát triển một số quy định đang phát huy hiệu quả trong thực tiễn thi hành thời gian qua trên cơ sở kết quả tổng kết thi hành Luật Doanh nghiệp năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung năm 2022 và năm 2025) như: quy định về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp, bao gồm công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân; quy định về nhóm công ty.

- Luật Doanh nghiệp dự kiến sửa đổi, bổ sung các quy định về: các nguyên tắc chung về thành lập, hoạt động doanh nghiệp và đồng bộ hóa hệ thống pháp luật; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về gia nhập, tổ chức lại và rút lui khỏi thị trường, nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình; nâng cao hiệu quả

---

nhà nước; (iv) Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 8/6/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài…

quản trị doanh nghiệp đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế; nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp dựa trên dữ liệu, phân tích rủi ro, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số…

Với phạm vi như trên, Bộ Tài chính đề xuất các chính sách xây dựng Dự án Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) thay thế cho Luật Doanh nghiệp hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng là các doanh nghiệp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

Triển khai nhiệm vụ nghiên cứu sửa đổi toàn diện Luật Doanh nghiệp năm 2020, Bộ Tài chính đã thực hiện các hoạt động sau:

- Tổ chức rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp (bao gồm công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân) và quy định về nhóm công ty. Trong đó, tập trung chủ yếu vào các chủ trương, đường lối mới của Đảng trong các nghị quyết quan trọng về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế nhà nước và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài… Đồng thời, Bộ Tài chính đã thực hiện rà soát các cam kết quốc tế, đặc biệt các quy định, các khuyến nghị của Diễn đàn Toàn cầu về Minh bạch và trao đổi thông tin về mục đích thuế, Lực lượng đặc nhiệm về phòng chống rửa tiền FATF.

- Tổ chức đánh giá tổng kết tình hình triển khai 06 năm thi hành Luật Doanh nghiệp năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung vào năm 2022 và năm 2025), các hoạt động chủ yếu gồm: tổ chức nghiên cứu, rà soát tình hình triển khai Luật ở cấp trung ương và địa phương và đề xuất chính sách xây dựng Luật; làm việc với một số bộ, ngành, địa phương ở khu vực phía Bắc và phía Nam về công tác triển khai Luật; tổ chức … hội thảo tại… để tham vấn ý kiến rộng rãi các cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội doanh nghiệp, doanh nghiệp về kết quả, hạn chế trong 06 năm thi hành Luật Doanh nghiệp và đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn triển khai.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan, hiệp hội doanh nghiệp, doanh nghiệp thực hiện việc tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp (Công văn số 9214/BTC-DNTN ngày 01/7/2026) và đã nhận được ý kiến của 13 Bộ ngành, 31 địa phương và 14 Tập đoàn, Tổng công ty do Bộ Tài chính thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu.

- Soạn thảo hồ sơ chính sách, tổ chức Hội nghị tham vấn chính sách Luật Doanh nghiệp (sửa đổi), lấy ý kiến, tham vấn chính sách Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, bộ, Ủy ban trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, một số Hiệp hội và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan thông qua các hình thức: Gửi văn bản lấy ý kiến (tại Văn bản số …. ngày ……..…); đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Tài chính để lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định;

- Xây dựng Báo cáo số …. ngày … thẩm định hồ sơ chính sách của Luật Doanh nghiệp (sửa đổi), trên cơ sở ý kiến thẩm định, Bộ Tài chính đã nghiên cứu nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý và hoàn thiện hồ sơ chính sách để trình Chính phủ xem xét, quyết định.

V. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH

Trên cơ sở các quan điểm chỉ đạo nêu trên, bên cạnh việc tiếp tục kế thừa, phát triển một số quy định đang phát huy hiệu quả trong thực tiễn thi hành thời gian qua, Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) tập trung vào 05 nhóm chính sách trọng tâm, cụ thể như sau:

CHÍNH SÁCH 1: HOÀN THIỆN CÁC NGUYÊN TẮC CHUNG VỀ THÀNH LẬP, TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP VÀ ĐỒNG BỘ HÓA HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

1. Mục tiêu của chính sách

- Tháo gỡ triệt để xung đột pháp luật: Xác lập nguyên tắc phân định ranh giới áp dụng pháp luật rõ ràng, nhất quán giữa Luật Doanh nghiệp và các luật chuyên ngành nhằm đảm bảo sự thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật về thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của các doanh nghiệp.

- Hoàn thiện, chỉnh sửa các quy định chưa rõ ràng, chưa cụ thể để xử lý các vướng mắc trên thực tiễn phát sinh; khắc phục tình trạng nhiều cách hiểu khác nhau tại một số quy định trong Luật Doanh nghiệp.

2. Nội dung của chính sách đề xuất

Dự kiến nghiên cứu một số nội dung cơ bản như sau:

- Quy định rõ nguyên tắc áp dụng Luật Doanh nghiệp theo hướng làm rõ hơn mối quan hệ giữa Luật Doanh nghiệp và luật chuyên ngành về việc thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trong một số ngành, lĩnh vực đặc thù như công chứng, luật sư, đấu giá tài sản, giám định tư pháp, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, tài chính…

Về mặt nguyên tắc, việc thành lập doanh nghiệp là quyền của người dân, doanh nghiệp. Thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp là thủ tục hành chính để người thành lập doanh nghiệp "đăng ký/thông báo" với cơ quan quản lý nhà nước về việc thành lập doanh nghiệp, không gắn với việc cơ quan nhà nước cho phép

doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện kể từ khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật sau khi đã thành lập doanh nghiệp. Do đó, cần thống nhất đầu mối thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh (đăng ký thành lập doanh nghiệp), không phân biệt ngành, lĩnh vực hoạt động. Cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin với cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để cấp phép/quản lý đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện sau đăng ký thành lập.

- Khẳng định nguyên tắc cơ quan đăng ký kinh doanh chỉ chịu trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ về mặt hình thức, tính thống nhất về thông tin kê khai của hồ sơ; hoàn toàn không có nghĩa vụ và thẩm quyền đi xác minh thực địa hoặc xác minh tính xác thực của thông tin do doanh nghiệp tự kê khai và tự chịu trách nhiệm, đảm bảo nguyên tắc chuyển đổi từ cơ chế kiểm soát trước (tiền kiểm) sang giám sát sau (hậu kiểm). Đồng thời, bổ sung thêm cơ chế xác thực thông tin qua các cơ sở dữ liệu về dân cư và cơ sở dữ liệu khác (nêu tại Nghị quyết số 66.7 ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu).

- Điều chỉnh một số khái niệm "giá giao dịch bình quân" tại khái niệm "giá thị trường của phần vốn góp hoặc cổ phần" (thành "giá tham chiếu bình quân" nhằm bảo đảm tính thực tiễn và khả thi khi áp dụng); "Người có liên quan của doanh nghiệp" (thống nhất giữa quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật chuyên ngành như Luật Chứng khoán, Luật Các tổ chức tín dụng để làm cơ sở kiểm soát các hợp đồng giao dịch trọng yếu); "người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp", khái niệm về "khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp" (nghiên cứu các trường hợp chi phối như: nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần hoặc quyền định đoạt đối với điều lệ hoạt động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý chủ chốt, việc tổ chức quản lý và các quyết định quản lý quan trọng khác của doanh nghiệp), khái niệm "sở hữu gián tiếp"…

- Hoàn thiện quy định về người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (bổ sung quy định làm rõ đối với công ty TNHH có hai thành viên gồm một thành viên là cá nhân và một thành viên là tổ chức, trường hợp thành viên là cá nhân làm người đại diện theo pháp luật của công ty chết, mất tích…), người đại diện theo ủy quyền; thời điểm xác định người đại diện theo pháp luật (thời điểm từ khi có nghị quyết/quyết định của cơ quan/người có thẩm quyền nội bộ của doanh nghiệp hay phải đến khi cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận thông tin người đại diện theo pháp luật) nhằm xử lý vướng mắc phát sinh trong thực tiễn.

- Bổ sung quy định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc duy trì thông tin đăng ký chính xác (trụ sở, người đại diện theo pháp luật, tình trạng

hoạt động); mối quan hệ và trách nhiệm giữa doanh nghiệp và chi nhánh trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, đơn giản hóa các nội dung trong Điều lệ của doanh nghiệp.

- Ràng buộc nghĩa vụ đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện: Xác lập nguyên tắc doanh nghiệp được tự do kinh doanh ngành nghề pháp luật không cấm nhưng bắt buộc phải duy trì việc đáp ứng đầy đủ điều kiện hoạt động liên tục đối với các ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện. Việc quản lý nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

- Đồng bộ hóa quy định về chức năng ủy quyền của chi nhánh và người đứng đầu chi nhánh tương thích với quy định của Bộ luật Dân sự (quy định chi nhánh không phải là pháp nhân độc lập nên không thể đương nhiên có chức năng đại diện theo ủy quyền của pháp nhân; làm rõ chủ thể được ủy quyền phải là cá nhân người đứng đầu chi nhánh).

- Nghiên cứu việc quy định về khái niệm ủy quyền ẩn danh (ủy quyền danh nghĩa) và khẳng định không thừa nhận ủy quyền ẩn danh trong Luật Doanh nghiệp (theo hướng không đứng tên thay người khác để góp vốn vào doanh nghiệp).

CHÍNH SÁCH 2: ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG QUÁ TRÌNH GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG, NÂNG CAO TÍNH MINH BẠCH VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH

1. Mục tiêu của chính sách

Mục tiêu của chính sách nhằm đảm bảo kỷ cương gia nhập thị trường gắn liền với quyền tự do kinh doanh, phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về việc Đảng viên tham gia hoạt động đầu tư, kinh doanh, đảm bảo thực hiện theo Quyết định số 948/QĐ-TTg ngày 27/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện nghĩa vụ của Chính phủ Việt Nam về trao đổi thông tin theo yêu cầu vì mục đích thuế toàn cầu.

Đồng thời, thực hiện cải cách hành chính toàn diện và thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia để đơn giản hóa hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ định danh điện tử để tránh hiện tượng mạo danh cá nhân, thành lập doanh nghiệp "ma" và "vốn ảo", đáp ứng yêu cầu tại Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/20205 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu. Đồng thời, đảm bảo mục tiêu nâng cao mức độ minh bạch, an toàn, tin cậy của môi trường đầu tư, kinh doanh.

2. Nội dung cụ thể của chính sách đề xuất

Dự kiến nghiên cứu một số nội dung cơ bản như sau:

- Nghiên cứu không quy định chi tiết hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trong Luật. Theo đó, không quy định các Điều từ 19 đến 22 Luật Doanh nghiệp năm 2020; giao Chính phủ quy định chi tiết thành phần hồ sơ đăng ký doanh nghiệp để tạo tính chủ động, linh hoạt và đáp ứng yêu cầu xây dựng Luật. Luật chỉ quy định các nội dung có tính nguyên tắc về đăng ký doanh nghiệp theo hướng đơn giản hóa thủ tục dựa trên dữ liệu để tạo điều kiện cho hoạt động gia nhập thị trường của doanh nghiệp, đồng thời đảm bảo công bố thông tin về đăng ký doanh nghiệp để phục vụ công tác quản lý của nhà nước và giám sát của người dân, làm rõ nội dung đăng ký doanh nghiệp với những nội dung cụ thể để làm cơ sở để Chính phủ nghiên cứu, hướng dẫn về hồ sơ, trình tự thủ tục về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghiên cứu việc Luật hóa việc đăng ký doanh nghiệp hoàn toàn trên môi trường số, sử dụng VneID để xác thực điện tử, tránh các trường hợp mạo danh khi thành lập doanh nghiệp.

- Nghiên cứu hạn chế quyền thành lập pháp nhân mới đối với cá nhân vi phạm: Việc bổ sung các quy định để gắn trách nhiệm của cá nhân chủ doanh nghiệp hoặc đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp với các hậu quả kinh tế (trong đó có lĩnh vực thuế) của các doanh nghiệp do các cá nhân này thành lập gây ra là cần thiết nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và tăng cường trách nhiệm của người quản lý doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, bổ sung quy định về việc hạn chế có thời hạn quyền thành lập pháp nhân mới, quyền quản lý đối với cá nhân là chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên hợp danh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp trực tiếp gây ra vi phạm (về thuế, tín dụng…). Quy định này không nhằm hạn chế quyền kinh doanh một cách hành chính, mà hướng tới thiết lập cơ chế sàng lọc, phòng ngừa việc cá nhân lợi dụng để tái diễn hành vi vi phạm, nâng cao tính tuân thủ pháp luật, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, nhà đầu tư, chủ nợ và các chủ thể có liên quan. Đồng thời, có cơ chế khôi phục quyền thành lập doanh nghiệp sau khi cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ, bảo đảm phù hợp với quyền tự do kinh doanh theo quy định.

- Đối với trường hợp góp vốn theo hình thức tiền mặt, nghiên cứu cơ chế góp vốn, thay đổi vốn điều lệ theo các hình thức thanh toán không sử dụng tiền mặt phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. Nghiên cứu xử lý các trường hợp không góp vốn điều lệ (vốn điều lệ bằng 0) sau thời hạn cam kết góp vốn; làm rõ trường hợp thành viên, cổ đông là tổ chức ủy quyền cho cá nhân làm người đại diện phần vốn góp trong doanh nghiệp nhưng phần vốn được đại diện bằng 0 để xử lý vướng mắc phát sinh trong thực tiễn.

Đồng thời, bổ sung quy định làm rõ các loại tài sản được sử dụng để góp vốn trong doanh nghiệp (ví dụ: cổ phần, phần vốn góp) nhằm giải quyết vướng mắc phát sinh trong thực tiễn, đảm bảo quy định rõ quyền và nghĩa vụ phát sinh (nếu

có) của cổ đông, thành viên trong trường hợp sử dụng cổ phần, phần vốn góp… để góp vốn, đặc biệt là đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên (việc trở thành thành viên mới của công ty phải được sự chấp thuận của Hội đồng thành viên). Trên cơ sở đó, xây dựng các quy định thành phần hồ sơ của các thủ tục hành chính tương ứng (thay đổi thành viên, cổ đông, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp…).

- Quy định rõ ràng, chặt chẽ hơn về điều kiện đặt trụ sở chính của doanh nghiệp, đặc biệt đối với văn phòng chia sẻ, nhà chung cư không có chức năng thương mại, nhằm tránh trục lợi, bảo đảm an ninh, an toàn khu dân cư. Đồng thời nghiên cứu quy định phân biệt giữa địa chỉ diễn ra hoạt động sản xuất kinh doanh với địa chỉ liên hệ nhằm tạo sự linh hoạt về đăng ký trụ sở phù hợp với xu hướng chuyển đổi số và các mô hình kinh doanh mới (địa điểm kinh doanh không cố định như trạm sạc, tủ bán hàng tự động, việc kinh doanh trên môi trường điện tử thông qua sử dụng các kho bán hàng; địa điểm kinh doanh không phát sinh doanh thu, lợi nhuận; địa điểm kinh doanh phải đáp ứng các quy định về kinh tế-xã hội, quy hoạch của địa phương ...).

- Nghiên cứu đổi mới phương thức tổ chức lại doanh nghiệp, như: bổ sung quy định doanh nghiệp phải thông báo kịp thời và đầy đủ cho chủ nợ trước khi thực hiện tổ chức lại để tạo tính chủ động cho chủ nợ của doanh nghiệp, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho chủ nợ; chỉ quy định các nội dung có tính nguyên tắc, không quy định trình tự, thủ tục cụ thể tại dự thảo Luật…

- Nghiên cứu, hoàn thiện các nội dung về chủ sở hữu hưởng lợi, các hoạt động thu thập, cập nhật, lưu giữ và cung cấp thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi trong Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) với các nội dung như sau:

Rà soát, cập nhật và hoàn thiện các quy định có liên quan trên cơ sở các khuyến nghị của FATF/APG, tiêu chuẩn của GF/OECD và kết quả đánh giá, khuyến nghị mới đối với Việt Nam (nếu có). Hoàn thiện cơ chế quản lý và khai thác thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi theo hướng tăng cường khả năng tiếp cận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bảo đảm thông tin được cung cấp kịp thời, đúng thẩm quyền, đúng mục đích và phù hợp với yêu cầu về bảo mật, bảo vệ dữ liệu. Tăng cường cơ chế phối hợp, kết nối và chia sẻ thông tin giữa các cơ quan có liên quan, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước, phòng, chống rửa tiền, quản lý thuế, phòng, chống tham nhũng và thực hiện trao đổi thông tin theo các nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam.

Rà soát, hoàn thiện trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc thu thập, cập nhật, lưu giữ và cung cấp thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp. Các quy định được thiết kế theo hướng tăng cường hiệu quả thực thi nhưng đồng thời bảo đảm tính khả thi, tránh tạo gánh nặng hành chính không cần thiết và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tuân thủ.

CHÍNH SÁCH 3: HOÀN THIỆN CƠ CHẾ TẠM NGỪNG KINH DOANH, GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP THEO HƯỚNG ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC, PHÂN LUỒNG RỦI RO VÀ TĂNG CƯỜNG BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN

1. Mục tiêu của chính sách

Hoàn thiện quy định về tạm ngừng kinh doanh, giải thể doanh nghiệp theo hướng đơn giản hóa hồ sơ, trình tự, thủ tục; quy định rõ trách nhiệm, thời hạn phối hợp giữa các cơ quan; đẩy mạnh khai thác, chia sẻ dữ liệu, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường minh bạch, đúng quy định pháp luật.

Chuyển trọng tâm quản lý từ tiền kiểm dựa trên hồ sơ, giấy tờ sang đối soát dữ liệu, phân luồng theo mức độ rủi ro và tăng cường bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân liên quan.

2. Nội dung của chính sách đề xuất

- Về tạm ngừng kinh doanh

Luật hóa quy định về thời hạn tạm ngừng kinh doanh liên tiếp tối đa, nghĩa vụ thông báo tiếp tục kinh doanh và hệ quả pháp lý khi doanh nghiệp không tuân thủ nhằm bảo đảm cơ sở pháp lý đầy đủ, thống nhất, ổn định để thi hành.

- Về giải thể doanh nghiệp

Giữ nguyên điều kiện giải thể hiện hành: doanh nghiệp chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản và không đang trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài; đồng thời bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động, nhà nước và các chủ nợ. Trên nguyên tắc đó:

(i) Nghiên cứu cắt giảm thành phần hồ sơ và quy trình thực hiện trên cơ sở kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan đăng ký kinh doanh với cơ quan thuế, bảo hiểm xã hội, hải quan, Tòa án, cơ quan thi hành án và cơ quan có thẩm quyền khác (nếu có). Không yêu cầu doanh nghiệp cung cấp lại thông tin cơ quan nhà nước đã có.

(ii) Thiết lập cơ chế giải thể rút gọn đối với các doanh nghiệp đáp ứng một số tiêu chí cụ thể được xác định trên cơ sở đối chiếu, khai thác dữ liệu giữa các cơ quan. Trường hợp không đáp ứng được tiêu chí thì thực hiện quy trình giải thể thông thường. Giao Chính phủ quy định về tiêu chí và trình tự thực hiện.

(iii) Tăng cường bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, Nhà nước, chủ nợ và bên thứ ba thông qua việc hoàn thiện quy định về trách nhiệm của cá nhân có liên quan trong quá trình giải thể doanh nghiệp.

CHÍNH SÁCH 4: NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP ĐẢM BẢO PHÙ HỢP VỚI THÔNG LỆ QUỐC TẾ

1. Mục tiêu của chính sách

Xử lý vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình thực hiện quy định về quản trị doanh nghiệp đối với các loại hình doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế

(công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp nhà nước....) tại Luật Doanh nghiệp năm 2020. Trên cơ sở đó, khơi thông sức sản xuất của doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực quản trị theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân, Nghị quyết số 79-NQ/TW về phát triển kinh tế nhà nước và tiệm cận với các nguyên tắc quản trị theo thông lệ quốc tế.

2. Nội dung của chính sách đề xuất

2.1 Hoàn thiện các quy định về quản trị đối với công ty TNHH

Dự kiến nghiên cứu, hoàn thiện mô hình Hội đồng thành viên theo hướng bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, linh hoạt, phù hợp thực tiễn từng thời kỳ theo hướng:

- Nghiên cứu, bổ sung quy định xác định trách nhiệm của Hội đồng thành viên Công ty trong việc phê duyệt điều chỉnh vốn điều lệ và trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong việc thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ theo đúng số vốn thực góp trong thời hạn Luật định sau khi Hội đồng thành viên ban hành nghị quyết xác định cụ thể vốn điều lệ và tỷ lệ vốn góp của từng thành viên trên cơ sở vốn góp thực tế.

- Bổ sung cơ chế họp Hội đồng thành viên theo thủ tục rút gọn trong các trường hợp đặc biệt; rút ngắn thời hạn triệu tập họp lại khi cuộc họp không đủ điều kiện tiến hành; điều chỉnh quy định Hội đồng thành viên họp ít nhất mỗi kỳ 6 tháng một lần hoặc mỗi quý để đảm bảo công tác quản trị và ra quyết định của Hội đồng thành viên.

- Bổ sung quy định công nhận rõ ràng hình thức họp trực tuyến, biểu quyết bằng văn bản điện tử và ủy quyền biểu quyết hợp lệ, tạo thuận lợi cho thành viên, đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài.

- Bổ sung các trường hợp giảm vốn điều lệ đặc thù: Bổ sung trường hợp giảm vốn khi thực hiện tách công ty (do công ty bị tách vẫn tồn tại nhưng bị giảm vốn) hoặc các hình thức tăng vốn điều lệ bằng cơ chế hoán đổi nợ và trường hợp chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên sử dụng một phần hoặc toàn bộ vốn góp để trả nợ.

- Phân quyền tự chủ cho Điều lệ công ty quy định về tiêu chí phân phối lợi nhuận sau thuế thay vì chỉ sử dụng tiêu chí theo tỷ vốn góp như quy định hiện hành.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền của chủ sở hữu công ty theo hướng phân cấp quyết định những vấn đề thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh cho bộ máy quản lý điều hành công ty, như: thẩm quyền đối với "các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ".

2.2 Hoàn thiện các quy định về quản trị đối với công ty cổ phần

- Luật hóa nguyên tắc công ty chỉ được từ chối cung cấp tài liệu khi nội dung thuộc bí mật nhà nước, bí mật thương mại hoặc kinh doanh thực chất và cần quy định rõ tại Điều lệ về bí mật thương mại hoặc kinh doanh, tránh việc lợi dụng các yếu tố này để hạn chế quyền tiếp cận thông tin của cổ đông. Đồng thời làm rõ việc

tiếp cận thông tin của cổ đông là tiếp cận thông tin của mình hay được quyền tiếp cận thông tin của các cổ đông khác trong công ty cổ phần.

- Nâng cao quyền giám sát của cổ đông nhỏ lẻ thông qua việc bổ sung quyền tiếp cận thông tin, tài liệu hoạt động của công ty cho nhóm cổ đông sở hữu tỷ lệ cổ phần dưới 5% (tương tự như cổ hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định hiện hành của Luật Doanh nghiệp).

- Pháp lý hóa toàn diện họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) trực tuyến thông qua việc hoàn thiện hành lang pháp lý và công nhận giá trị pháp lý của họp trực tuyến, lấy ý kiến bằng văn bản điện tử, chữ ký số và hệ thống bỏ phiếu điện tử để đáp ứng yêu cầu ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số.

- Đổi mới phương thức và thời hạn gửi thông báo mời họp: Tăng thời hạn gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lên ít nhất 28 ngày trước ngày khai mạc; đồng thời cho phép công ty gửi thông báo qua phương thức điện tử (email, điện thoại) thay thế cho hình thức gửi thư giấy truyền thống; Sửa đổi, bổ sung về việc trình báo cáo hằng năm theo hướng quy định thống nhất về chủ thể trình Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát trước Đại hội đồng cổ đông.

- Bổ sung quy định cho phép đại hội đồng cổ đông của công ty cổ phần có thể giao cho HĐQT thực hiện thủ tục thay đổi vốn điều lệ (trên cơ sở đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ đối với các trường hợp chi trả cổ tức, phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông, người lao động…) nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ, phát sinh từ các thủ tục rườm rà, không cần thiết.

- Nghiên cứu các hình thức tăng giảm vốn điều lệ như sau: Quy định rõ hơn về hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông và việc giảm vốn điều lệ sau khi hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại; Điều chỉnh quy định về thời gian góp vốn nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp có thời gian chuẩn bị tài sản góp vốn, đồng thời cần quy định cụ thể thời hạn bắt đầu được tính từ thời gian vận chuyển, nhập khẩu tài sản góp vốn; Bổ sung các trường hợp giảm vốn điều lệ đặc thù liên quan đến trường hợp hoàn trả vốn góp cho cổ đông khi đợt chào bán cổ phiếu bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền hủy bỏ…

- Sửa đổi, bổ sung làm rõ các quy định về "cổ phần ưu đãi khác", quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông để xử lý mâu thuẫn pháp luật trong việc phân định quyền của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đối với chiến lược, kế hoạch, quyết định dự án đầu tư của công ty.

- Rà soát, sửa đổi bổ sung quy định về chào bán, chuyển nhượng cổ phần theo hướng: xác định rõ thời điểm được công nhận tư cách cổ đông; quy định rõ hơn về điều kiện chào bán trái phiếu riêng lẻ.

- Hoàn thiện các quy định về cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần (không phải công ty đại chúng): quy định rõ hơn trách nhiệm của thành viên HĐQT không

biểu quyết hoặc vắng mặt; bổ sung quy định về số lượng và thẩm quyền bầu thành viên độc lập HĐQT; sửa đổi, bổ sung về quy định họp ĐHĐCĐ theo hướng quy định rõ hơn khung thời hạn phải tiến hành họp ĐHĐCĐ thường niên; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử thì việc gửi biên bản kiểm phiếu và biên bản họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty; quy định rõ thẩm quyền chấp thuận đơn từ chức cũng như trách nhiệm và quyền hạn của thành viên HĐQT trong thời gian chờ thực hiện thủ tục từ chức; quy định rõ việc HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính riêng lẻ gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty; thẩm quyền chấp thuận đơn từ chức của thành viên HĐQT trước khi Đại hội đồng cổ đông thực hiện miễn nhiệm thành viên này.

2.3 Hoàn thiện quy định của pháp luật về quản lý đối với doanh nghiệp nhà nước nhằm phù hợp với tính chất đặc thù, hoạt động thực tiễn, đảm bảo tính công khai, minh bạch, bình đẳng và trách nhiệm giải trình

Nghiên cứu bổ sung rà soát, đề xuất xử lý đối với Luật Doanh nghiệp liên quan đến một số nhóm vấn đề về quản trị của doanh nghiệp, trong đó có quy định riêng cho doanh nghiệp nhà nước nhằm: (i) thể chế hóa các chủ trường, đường lối của Đảng tại Nghị quyết số 79-NQ/TW về phát triển kinh tế nhà nước và (ii) phù hợp với thực tiễn và đáp ứng các yêu cầu phát triển trong tình hình mới, dự kiến tập trung vào một số nội dung bước đầu như sau:

- Nghiên cứu hoàn thiện các quy định về quản trị doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp nhà nước theo hướng phù hợp với tính chất đặc thù, thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp nhà nước (như: trường hợp giao quyền thực hiện các chức danh Tổng giám đốc để tạo điều kiện kịp thời thực hiện các thủ tục đăng ký người đại diện theo pháp luật, đảm bảo doanh nghiệp hoạt động ổn định; hoàn thiện mô hình Hội đồng thành viên bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tiễn từng thời kỳ theo yêu cầu tại Nghị quyết số 79-NQ/TW; trường hợp sử dụng "phiếu trắng" trong hoạt động quản trị doanh nghiệp…).

- Nghiên cứu hoàn thiện các quy định về tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các quyền lợi khác của Kiểm soát viên doanh nghiệp nhà nước để phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành. Theo đó, hiện nay cơ chế xác định tiền lương giữa hai chức danh đã có sự khác biệt: tiền lương của Kiểm soát viên được xác định trên cơ sở mức lương cơ bản theo quy định của Chính phủ để làm căn cứ xác định quỹ tiền lương, trong khi tiền lương của Phó Tổng giám đốc do Hội đồng thành viên quyết định theo cơ chế tiền lương của doanh nghiệp.

- Nghiên cứu, phân định rõ quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu công ty, Hội đồng thành viên (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) và HĐQT, Đại hội đồng cổ đông (đối với công ty cổ phần) trong hoạt động của doanh nghiệp nhà nước;

- Nghiên cứu, hoàn thiện các quy định về việc công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước nhằm nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình, đảm bảo theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 79-NQ/TW về phát triển kinh tế nhà nước[6]. Trong đó dự kiến sẽ xem xét một số nội dung như: (i) Hiệu chỉnh quy định về thời hạn nộp Báo cáo báo tài chính trước 31/7 hằng năm do nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn theo mô hình công ty mẹ - công ty con phản ánh khó thực hiện thời hạn nộp Báo cáo báo tài chính này; (ii) bỏ "Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm" quy định tại Luật Doanh nghiệp do trùng lặp; (iii) chỉ công bố thông tin bất thường đối với những kết luận vi phạm pháp luật của doanh nghiệp của Thanh tra Chính phủ hoặc thanh tra chuyên ngành đến mức phải có hình thức xử lý theo quy định của pháp luật; (iv) Chia sẻ, kết nối thông tin về tình hình hoạt động của doanh nghiệp nhà nước giữa các cơ quan quản lý nhà nước để giảm thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

- Nghiên cứu để tháo gỡ các vướng mắc về quy định sở hữu chéo liên quan đến việc các công ty con có cùng một công ty mẹ là doanh nghiệp có sở hữu ít nhất 65% vốn nhà nước không được cùng nhau góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc để thành lập doanh nghiệp mới theo quy định của Luật này.

2.4 Hoàn thiện các quy định về quản trị đối với công ty hợp danh

- Nghiên cứu, bổ sung quy định rõ quyền, điều kiện và thủ tục đăng ký thay đổi khi thành viên hợp danh chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho người khác (sau khi được Hội đồng thành viên chấp thuận).

- Nghiên cứu quy định công ty hợp danh sử dụng một phần hoặc toàn bộ vốn góp để trả nợ.

- Nghiên cứu bổ sung cơ chế để thành viên góp vốn có quyền yêu cầu Hội đồng thành viên xem xét những vấn đề trực tiếp ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình, đồng thời vẫn bảo đảm đặc trưng về tổ chức, quản trị của công ty hợp danh.

2.5 Xây dựng mới chính sách đối với doanh nghiệp một người nhằm tận dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) vận hành toàn bộ quy trình kinh doanh

Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số, điện toán đám mây, nền tảng trực tuyến và đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI) đang tạo ra những thay đổi căn bản trong phương thức tổ chức và hoạt động sản xuất kinh doanh trên phạm vi toàn cầu.

Mô hình doanh nghiệp một người đang có sự phát triển nhanh chóng, nhất là tại các nước có thế mạnh về công nghệ thông tin đặc biệt là tại các quốc gia sở

---

[6] Cụ thể: *Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia; trong đó, dữ liệu về chủ thể và các nguồn lực của kinh tế nhà nước được chuẩn hoá, quản lý thống nhất, cập nhật thường xuyên, bảo đảm liên thông, tích hợp, chia sẻ, an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên không gian mạng; khai thác, sử dụng dữ liệu để kịp thời giám sát, đánh giá hiệu quả quản lý, sử dụng vốn, tài sản, nguồn lực nhà nước, làm căn cứ cho hoạch định chính sách, phân bổ và điều tiết nguồn lực*

hữu các nền tảng số. Trên nền tảng đó, các quốc gia xây dựng những mô hình pháp lý khác nhau như One Person Company (Ấn Độ), Single-Member LLC (Hoa Kỳ), One-person Limited Liability Company (Trung Quốc), hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tại nhiều nước châu Âu và châu Á.

Qua rà soát hệ thống pháp luật hiện hành cho thấy, mặc dù Luật Doanh nghiệp năm 2020 không sử dụng thuật ngữ "doanh nghiệp một người" (One Person Company - OPC), song về bản chất, pháp luật Việt Nam đã có quy định đối với mô hình Công ty TNHH một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu tại Luật Doanh nghiệp, có nhiều đặc trưng của doanh nghiệp OPC theo thông lệ quốc tế. Do đó, dự kiến rà soát, quy định thêm tại mô hình công ty TNHH một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu áp dụng với doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng: Nghiên cứu, rà soát các quy định về công ty trách nhiệm hữu hạn môt thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu quy định tại Luật Doanh nghiệp để bổ sung các nội dung về quản trị cho doanh nghiệp một người nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; đồng thời, áp dụng cơ chế quản trị đơn giản theo hướng tinh gọn, hiệu quả và phù hợp với mục tiêu hỗ trợ doanh nghiệp giảm chi phí tuân thủ.

2.6 Về doanh nghiệp xã hội

Doanh nghiệp xã hội là một nội dung đã được quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014 nhằm giải quyết vấn đề về an sinh xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng. Để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp xã hội, dự kiến tập trung vào một số vấn đề sau:

- Làm rõ vấn đề xã hội, môi trường là những nội dung gì;

- Bổ sung các tiêu chí về mục tiêu xã hội, tiêu chí đo lường tác động cụ thể, việc tiếp nhận các nguồn tài trợ;

- Quy định có tính nguyên tắc về có cơ chế giám sát, đánh giá trách nhiệm đối với nghĩa vụ tái đầu tư tối thiểu 51% lợi nhuận và cơ chế báo cáo, công khai thông tin và kiểm toán phần lợi nhuận phục vụ mục tiêu xã hội, thẩm quyền giám sát của các cơ quan liên quan;

- Có cơ chế thu hồi tư cách doanh nghiệp xã hội hay không và xử lý tài sản hình thành từ viện trợ, tài trợ.

CHÍNH SÁCH 5: NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP THÔNG QUA ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ, QUẢN TRỊ RỦI RO DOANH NGHIỆP DỰA TRÊN DỮ LIỆU

1. Mục tiêu của chính sách

Mục tiêu của chính sách nhằm thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia hướng tới chuyển đổi toàn diện phương thức quản lý hành chính

từ thủ công, bưu chính giấy tờ sang tự động hóa và chia sẻ dữ liệu số thời gian thực giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp. Chính sách giúp Nhà nước có nền tảng dữ liệu thống nhất để điều hành, tập trung nguồn lực giám sát vào đối tượng rủi ro cao; giảm thủ tục, chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật; nâng cao độ tin cậy và chất lượng thông tin doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, kiến tạo môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, chuyển đổi từ cơ chế kiểm soát trước (tiền kiểm) sang giám sát sau (hậu kiểm) dựa trên nền tảng quản trị rủi ro số.

2. Nội dung cụ thể của chính sách đề xuất

Thể chế hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị, bảo đảm đồng bộ với Luật Dữ liệu năm 2024, chính sách hướng tới chuyển phương thức quản lý từ quản lý theo hồ sơ sang quản trị dựa trên dữ liệu, từ xử lý vi phạm sang phòng ngừa dựa trên phân tích rủi ro với các đề xuất chính sách sau:

(i) Tổ chức, tái cấu trúc các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp theo hướng tinh gọn, hợp nhất thành Hệ thống thông tin quốc gia về doanh nghiệp, Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp và Cổng thông tin quốc gia về doanh nghiệp.

(ii) Cải tiến dịch vụ công hiện đại, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo nguyên tắc "một lần khai báo, nhiều lần sử dụng", tránh đầu tư trùng lặp: tự động điền thông tin đã có, không yêu cầu nộp lại giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ xử lý hồ sơ, hướng tới tự động xử lý đối với doanh nghiệp tuân thủ tốt. Trên cơ sở đó, bổ sung quy định kết nối, liên thông dữ liệu tự động, thời gian thực giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia doanh nghiệp với hệ thống thông tin của các cơ quan liên quan (Tòa án, Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tư pháp, cơ quan thuế, hải quan, bảo hiểm xã hội…); chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu theo tiêu chí "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung" nhằm cập nhật tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước và người lao động; công khai thông tin tổ chức tín dụng theo thời gian thực, phục vụ phòng, chống rửa tiền; phục vụ đăng ký cho đối tượng đặc thù (như tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng thi hành án dân sự, doanh nghiệp đấu giá tài sản…)

(iii) Quản lý nhà nước dựa trên dữ liệu phục vụ đánh giá sức khỏe doanh nghiệp, điều hành kinh tế vĩ mô, đánh giá rủi ro theo cấp độ, giám sát và hỗ trợ doanh nghiệp hiệu quả; hướng tới hình thành cơ sở dữ liệu lớn, trong đó mỗi doanh nghiệp có hồ sơ số đầy đủ, xuyên suốt vòng đời doanh nghiệp. Hoàn thiện cơ chế cung cấp, khai thác thông tin doanh nghiệp theo hướng giảm chi phí tiếp cận thông tin cơ bản, đồng thời bổ sung cơ chế giá đối với dịch vụ thông tin chuyên sâu, dịch vụ giá trị gia tăng, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế dữ liệu của Luật Dữ liệu, tạo nguồn lực tái đầu tư phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp, hình thành dữ liệu lớn về doanh nghiệp.

(iv) Tăng cường công tác hậu kiểm; kiểm tra, giám sát dựa trên phân loại rủi ro phù hợp thực tiễn và thông lệ quốc tế theo cấp độ: nghiên cứu các trường hợp thu hồi và rút ngắn thời hạn thu hồi, giải thể đối với doanh nghiệp không tuân thủ; rà soát, làm rõ các quy định về "không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký" và "ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm" giữa pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật thuế; rà soát, phân loại các trường hợp khôi phục tình trạng pháp lý, hủy quyết định thu hồi. Hậu kiểm, thanh tra, kiểm tra dựa trên phân loại rủi ro theo cấp độ, phù hợp thực tiễn và thông lệ quốc tế; nghiên cứu phương án liên thông dữ liệu với cơ quan quản lý chuyên ngành để cập nhật tình trạng đáp ứng điều kiện kinh doanh đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Nghiên cứu phân luồng dự kiến theo hướng: luồng xanh (doanh nghiệp chưa có vi phạm, được ưu tiên, giảm kiểm tra); luồng vàng (vi phạm lần đầu, lỗi thủ tục, kỹ thuật, hậu quả nhỏ, đã tự khắc phục đúng hạn, do bất khả kháng hoặc do hướng dẫn không thống nhất của cơ quan nhà nước) và luồng đỏ (cố ý vi phạm, vi phạm nhiều lần, thuộc diện rủi ro cao, ví dụ như: cố ý vi phạm nghiêm trọng như che giấu giao dịch, trốn tránh nghĩa vụ thuế, tiền lương, bảo hiểm xã hội, nghĩa vụ với chủ nợ, người tiêu dùng, môi trường; sử dụng nhiều pháp nhân để tẩu tán tài sản, mua bán hóa đơn, rửa tiền, lừa đảo, che giấu chủ sở hữu hưởng lợi; hoặc người quản lý đã bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, hành nghề…).

Trên cơ sở đó, sẽ quy định các nội dung có tính nguyên tắc trong Luật Doanh nghiệp (sửa đổi), bao gồm các nội dung về: vị trí, vai trò của Hệ thống thông tin quốc gia về doanh nghiệp, Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp, Cổng thông tin quốc gia về doanh nghiệp; nghĩa vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu; nguyên tắc quản lý dựa trên rủi ro; nguyên tắc thu chi phí cung cấp thông tin... Các nội dung cụ thể dự kiến sẽ giao cấp có thẩm quyền quy định chi tiết về danh mục dữ liệu kết nối, tiêu chí phân loại rủi ro, phân luồng và giá dịch vụ, do các nội dung này thay đổi theo từng thời kỳ, theo chính sách quản lý và mức độ sẵn sàng dữ liệu của cơ quan chuyên ngành. Việc kết nối, khai thác dữ liệu phải tuân thủ pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn thông tin mạng.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp. Bộ, cơ quan ngang Bộ chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp trong phạm vi địa phương.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành

2.1. Ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành

Sau khi Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) được ban hành, Chính phủ giao các bộ xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định chi tiết và triển khai Luật một cách đầy đủ, chất lượng, đảm bảo đúng tiến độ.

2.2. Tổ chức thực thi Luật sau khi ban hành

- Tuyên truyền, phổ biến Luật: Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, tuyên truyền nội dung của Luật và các quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền, phổ biến yêu cầu, nội dung và các quy định của Luật kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện: Ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Luật. Đồng thời, cần đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin phù hợp, xây dựng và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu điện tử về doanh nghiệp.

- Giám sát, thanh tra, kiểm tra, theo dõi thi hành Luật: Thực hiện công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, theo dõi thi hành Luật và các văn bản pháp quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật.

2.3. Nguồn lực triển khai Luật

Sau khi Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) được ban hành, dự kiến một số hoạt động cơ bản cần bố trí kinh phí để triển khai trong thực tiễn gồm:

- Xây dựng các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thi hành Luật Doanh nghiệp.

- Tuyên truyền, phổ biến Luật Doanh nghiệp của các cơ quan trung ương, địa phương và một số hoạt động cần thiết khác.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.

VII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH QUỐC HỘI DỰ THẢO LUẬT

Bộ Tài chính đề xuất: Trình Quốc hội xem xét thông qua Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) tại Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV (Tháng 10 năm 2027).

Thời gian Luật có hiệu lực dự kiến từ ngày 01/7/2028.

Trên đây là Tờ trình chính sách của dự án Luật Doanh nghiệp (sửa đổi), Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (i) Dự thảo Tờ trình; ii) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đề nghị xây dựng Luật; iii) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến chính

sách; iv) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến chính sách; (v) Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách).

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các thành viên Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ PC-BTC;
- Lưu: VT, DNTN (…)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Chi